

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+VSP02+TD2	7:25	15+7+0	0+0+0		9+2+11	0+0+0	CHUYEN 2 TD5-VSP02
2		RC3+CTK3+TD3	9:25	2+2+18	0+0+0		10+0+21	0+0+0	
3		P7+BK10+TD5	11:25	6+8+7	0+0+0		0+13+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY bk8 (td5) 2 NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/07/2023	TO: TD5 - VSP02 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KHOAN - CHIEN - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEREMETIEV A.V.	TD5	58	1	4	40	79	D-HANH	Russian
2	TRẦN BA THUAN	TD5	61	1	4		65	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM VĂN DUY	TD5	64	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	66	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN KHAI	TD5	59	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	60	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	63	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN CAO DANH	TD5	69	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
9	BUI ĐỨC TOAN	TD5	55	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	67	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
11	TÔ THANH HUNG	TD5	62	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH CÔNG	TD5	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÀO QUANG MINH	TD5	68	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ VĂN TIỀN	TD5	65	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	57	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VŨ HÙNG	VSP02	71-72	2	20	25	86	VSP XNCD	Vietnamese
17	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	77-78	2	11		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRIANDOFILIDI Y.I.	VSP02	79	1	5		100	KH-THAC	Russian
19	NGÔ ĐỨC HIÊN	VSP02				19	65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG ANH HUYỀN	VSP02	80	1	5	40	79	SHINTRACK	Vietnamese
21	PHẠM TUẤN VIỆT	VSP02	76	1	11		90	DK9	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TUẤN	VSP02	70	1	10		84	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	15	81	1.031	40	972		CHUYEN 2 PAX TD5-VSP02
2	VSP02	7	8	62	562	84	2		
3	TD2	0	0	0	0	40	11		
TOTAL		22	23	143	1.593	164	22		
WEIGHT KG				143	1.593	164			

GRAND TOTAL: 1.900 KGS

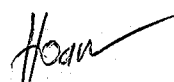
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/07/2023	TO: RC3 - CTK3 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: KHOÀN - CHIẾN - Vũ	ETA: 11:40
cam-2			

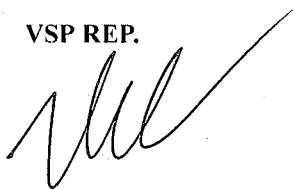
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	18	1	10	12	82	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ TIẾN PHÁT	RC3	20	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LUƠNG	CTK3	97	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG XUÂN TRƯỞNG	CTK3	98	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN TƯỜNG	TD3	84-85	2	12		75	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	79	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NHÂN	TD3	80	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	94	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG MINH	TD3	78	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	77	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN TUẤN	TD3	95	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	78	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NHÂN	TD3	93	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC DUNG	TD3	91	1	5	43	75	KHOAN	Vietnamese
15	NGO DUY THANH	TD3	96	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ TU HỢP	TD3	89	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	88	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	86	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VIỆT THANH LUÂN	TD3	90	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
20	PADKATILIN A.N	TD3	92	1	5		80	KHOAN	Russian
21	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD3	83	1	5		60	NIPI	Vietnamese
22	VŨ MẠNH DUNG	TD3	81-82	2	10		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	2	2	20	152	12	1		
2	CTK3	2	2	20	126	0	0		
3	TD3	18	20	102	1.219	43	21		
TOTAL		22	24	142	1.497	55	22		
WEIGHT KG				142	1.497	55			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	TO: P7 - BK10 - TD5	CREW: HUNG - ĐNam - DTùng	ETA: 14:00
XANH-3			

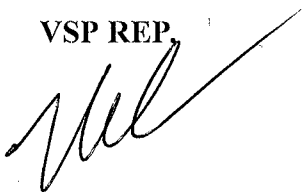
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN ĐẠT	P7	01	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MINH TÂM	P7	05-07	3	18		69	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ MẠNH HÙNG	P7	08-09	2	16	33	59	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN DUƠNG	P7	03-04	2	16		85	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VIỆT	P7	02	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ NHẬT QUI	P7	10-11	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN CHÍ THANH	BK10	23-24	2	16		54	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI ĐÌNH NGỌC	BK10	18	1	11		52	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN HAI	BK10	19-20	2	11		48	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	BK10	17	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI ĐÌNH THỌ	BK10	15-16	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VĂN CHÍNH	BK10	25	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH KÝ	BK10	21-22	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC THIÊN	BK10	14	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
15	PEREKRESTOV P.	TD5	73	1	8		108	AY CP	Russian
16	GASUKHA V.	TD5	74	1	10		94	AY CP	Russian
17	NGUYỄN DUY HÙNG	TD5	76	1	5		74	AY CP	Vietnamese
18	VŨ TRƯỞNG NAM	TD5	75	1	5		64	AY CP	Vietnamese
19	TRẦN NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	TD5	77-78	2	7		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN PHỤNG QUÊ	TD5	79	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
21	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	72	1	8		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	6	11	86	418	33	0		
2	BK10	8	12	111	489	0	13		
3	TD5	7	8	46	551	0	9		
TOTAL		21	31	243	1.458	33	22		
WEIGHT KG				243	1.458	33			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC8+RCDM+MRM	7:25	0+0+19	0+0+0		2+0+20	0+0+0	chuyen 1 rc8-rcdm
2		P2+MRM+RC5	7:25	10+8+1	0+0+0		3+10+8	0+0+0	
3		PVD1+BK3+BK5	9:25	19+3+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
4		PVD1+BK9+VSP02	9:25	7+3+11	0+0+0		8+0+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
2 người P2 về bờ đi BK3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RC8 - RCDM - MRM	CREW: TUYỀN - NPhú - QTrưởng	ETA: 09:20
xanh-1			

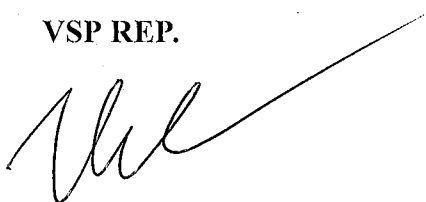
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	41	1	5		105	AMNGR	Russian
2	TSVETKOV OLEG	MRM	43	1	8		119	AMNGR	Russian
3	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM				35	90	AMNGR	Russian
4	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	37	1	10		86	AMNGR	Russian
5	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	35-36	2	17		80	AMNGR	Russian
6	PIKULSKII TIMUR	MRM	32-33	2	10		120	AMNGR	Russian
7	MOROZOV ANDREI	MRM	31	1	12		104	AMNGR	Russian
8	NGUYEN DUY KHIEM	MRM	52	1	10		53	D-HANH	Vietnamese
9	SADOVWICHENKO DMITRII	MRM	34	1	12		100	KHOAN	Russian
10	SAVELEV NIKITA	MRM	49	1	5		90	AMNGR	Russian
11	KUZNETSOV VLADIMIR	MRM	46-47	2	12		95	AMNGR	Russian
12	KONDRATIUK KIRILL	MRM	40	1	8		76	AMNGR	Russian
13	AZARENKOV KIRILL	MRM	38	1	10		100	AMNGR	Russian
14	STEPANOV OLEG	MRM	39	1	3		103	AMNGR	Russian
15	IAREMCHENKO TARAS	MRM	42	1	6		88	AMNGR	Russian
16	CHEKALKIN ALEKSANDR	MRM	44-45	2	12		75	AMNGR	Russian
17	DOBRYNIN PAVEL	MRM	48	1	10		110	AMNGR	Russian
18	FYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	50-51	2	17		92	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC8	0	0	0	0	5	2	1	CHUYEN 01 PAX TU RC8 SANG RCDM
2	RCDM	0	0	0	0	0	0		
3	MRM	18	22	167	1.686	35	20		
TOTAL		18	22	167	1.686	40	22		
WEIGHT KG				167	1.686	40			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/07/2023	TO: P2 - MRM - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

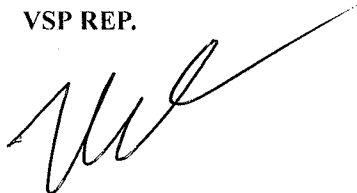
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH TÚ	P2	19	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HUY TIÊN HAI	P2	23	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM LÊ TUÂN	P2	16	1	10		83	TRƯỜNG V	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN THANH	P2	41	1	5	41	60	TRƯỜNG V	Vietnamese
5	NG VIỆT ANH HOÀNG	P2	20	1	6		55	TRƯỜNG V	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU Y	P2	18	1	5		93	TRƯỜNG V	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THẮNG	P2	22	1	6		59	TRƯỜNG V	Vietnamese
8	PHẠM DUY PHƯƠNG	P2	21	1	9		50	TRƯỜNG V	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TIÊN	P2	17	1	6		60	TRƯỜNG V	Vietnamese
10	LÊ TUÂN TÚ	P2	14-15	2	10		81	TRƯỜNG V	Vietnamese
11	LÊ VĂN HUY	MRM	64	1	9		65	HONG HA	Vietnamese
12	HỒ TRỊ	MRM	67	1	10		60	HONG HA	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT THÁI	MRM	66	1	10		56	HONG HA	Vietnamese
14	NGÔ MINH HAI	MRM	68	1	7		81	HONG HA	Vietnamese
15	NGÔ THANH SƠN	MRM	63	1	8		74	DVL	Vietnamese
16	TRẦN THAI AN	MRM	62	1	14		73	DVL	Vietnamese
17	BUI BẠCH DƯƠNG	MRM	65	1	14		69	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN CHI HIỆU	MRM	61	1	6		73	PSV	Vietnamese
19	RODNIKOV STANISLAV	MRM	69-70	2	14		72	AMNGR	Russian
20	VŨ BẢO THANH	RC5	03-04	2	20	22	81	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	11	73	684	41	3		
2	MRM	9	10	92	623	0	10		
3	RC5	1	2	20	81	22	8		
TOTAL		20	23	185	1.388	63	21		
WEIGHT KG				185	1.388	63			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

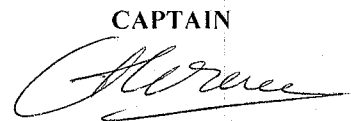
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: PVD1 - BK3 - BK5	CREW: TUYỀN - NPhú - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

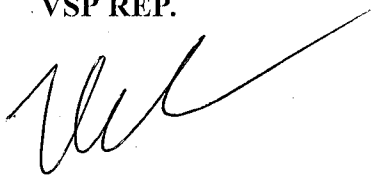
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CAO TUÂN	PVD1	64	1	5		56	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NINH	PVD1	74	1	8		65	PVDO	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT THĂNG	PVD1	70	1	4		71	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TUÂN	PVD1	63	1	8		73	PVDO	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	PVD1	60	1	5		69	PVDO	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN TRUNG	PVD1	62	1	7		53	PVDO	Vietnamese
7	HỒ ĐẠI PHƯƠNG	PVD1	77	1	5		71	PVDO	Vietnamese
8	PHẠM QUYẾT THĂNG	PVD1	58-59	2	8		53	PVDO	Vietnamese
9	HUYNH TÂN DUYỀN	PVD1	61	1	5		58	PVDO	Vietnamese
10	HUYNH TUÂN NGHỊ	PVD1	71	1	6		81	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PVD1	68	1	4		59	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHÚC	PVD1	69	1	10		67	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	PVD1	78-79	2	9		74	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN QUỐC VIỆT	PVD1	56	1	7		72	PSV	Vietnamese
15	THAI TRUNG HIẾU	PVD1	72-73	2	7		76	PSV	Vietnamese
16	DANH RẾT	PVD1	76	1	5		68	PVD TECH	Vietnamese
17	DANH ĐANG	PVD1	75	1	8		64	PVD TECH	Vietnamese
18	ĐO TRỌNG DUNG	PVD1	65	1	7	82	64	TLJOC	Vietnamese
19	ADAMRI KUTAR	PVD1	66-67	2	10		71	TLJOC	Indonesian
20	NGUYỄN VĂN DUNG	BK3	20-21	2	13		57	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN TRUNG HIỆP *	BK3	22	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM ĐO CHAU TUÂN *	BK3	23	1	17		90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	23	128	1.265	82	13		
2	BK3	3	4	45	207	0	0		
3	BK5	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	27	173	1.472	82	22		
WEIGHT KG				173	1.472	82			

GRAND TOAL: 1.677 KGS +50

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/07/2023	TO: PVD1 - BK9 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÙNG QUÂN	PVD1	29	1	9		70	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN QUANG HUNG	PVD1	35	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
3	TRƯƠNG QUỐC THĂNG	PVD1					80	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	PVD1					75	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN CHI LINH	PVD1	34	1	10		80	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	PVD1					87	DVL	Vietnamese
7	TRƯƠNG MINH KHANH	PVD1	31	1	12		71	DVL	Vietnamese
8	PHAN MẠNH HÙNG	BK9	89-90,53	3	20		65	VSP XNCD	Vietnamese
9	CAO ĐẶC DÂN	BK9	54-55	2	20	82	72	VSP XNCD	Vietnamese
10	LÊ ANH TUÂN	BK9	56-57	2	12		72	VSP XNCD	Vietnamese
11	LÊ MÃ LƯƠNG	VSP02	24-25	2	18	10	50	BA SON	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC PHONG	VSP02	22-23	2	13		52	BA SON	Vietnamese
13	PHẠM GIA KHANH	VSP02	29-30	2	20		62	BA SON	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN TUÂN	VSP02	31	1	7		68	BA SON	Vietnamese
15	LÊ VĂN MINH	VSP02	27-28	2	19		60	BA SON	Vietnamese
16	TRINH TRỌNG LUAN	VSP02	20	1	10	16	75	BA SON	Vietnamese
17	CAO TÂN LỤC	VSP02	16	1	12		55	SHINTRAC	Vietnamese
18	LƯU MINH NGOAN	VSP02	14-15	2	20		66	SHINTRAC	Vietnamese
19	NGÔ NGỌC PHÚC	VSP02	17	1	12		69	SHINTRAC	Vietnamese
20	HỒ VĂN DƯƠNG	VSP02	13	1	3		72	SHINTRAC	Vietnamese
21	ĐẶNG HỒNG CHỨC	VSP02	18	1	10	15	66	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

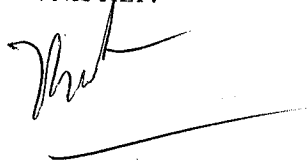
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	7	4	41	539	0	8		
2	BK9	3	7	52	209	82	0		
3	VSP02	11	16	144	695	41	13		
TOTAL		21	27	237	1.443	123	21		
WEIGHT KG				237	1.443	123			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

